TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 47

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 85 152 đến 85 167?

A. 7 **B.** 9 **C.** 15 **D.** 8

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số 45 010 825 đọc là:

A. bốn mươi lăm triệu không trăm mười nghìn tám trăm hai mươi sáu

B. bốn mươi lăm triệu một trăm mười nghìn tám trăm hai mươi lăm

C. bốn mươi lăm triệu không trăm mười nghìn tám trăm hai mươi lăm

D. bốn mươi lăm triệu không trăm mười nghìn tám trăm ba mươi lăm

Câu 3. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 3336 + 3671 + 3329 = ……

A. 10 346 **B.** 11 336 **C.** 10 336 **D.** 10 236

Câu 4. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 8 hàng ghế, mỗi hàng 29 ghế, người ta kê thêm 31 ghế nhựa. Có 244 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 19 **B.** 263 **C.** 50 **D.** 29

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 7526, số lớn hơn số bé 1000 đơn vị. Số bé là:

A. 4263 **B.** 1000 **C.** 3263 **D.** 3763

Câu 6. *(0,5 điểm)* 8 thế kỉ = …… năm

A. 800 **B.** 8000 **C.** 80 **D.** 810

Câu 7. *(0,5 điểm)* Lúc 10 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc bẹt **B.** góc tù **C.** góc nhọn **D.** góc vuông

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có cạnh 9 cm thì chu vi là:

A. 18 cm **B.** 36 cm **C.** 13 cm **D.** 81 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 373 255, 375 235, 385 235, 375 253, 335 275.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 213 875 + 141 370 = ……

b) 787 615 − 199 071 = ……

c) 21 046 × 3 = ……

d) 56 791 : 7 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 6906 + 764 + 236 = ……

b) 6924 + 2468 − 924 = ……

c) 398 + 2954 + 2 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tấn 55 kg = …… kg

b) 6 tạ = …… yến

c) 5 m^2 82 dm^2 = …… dm^2

d) 4 phút 9 giây = …… giây

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Góc bẹt bằng hai góc vuông	
b) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
c) 1 m^2 = 100 dm^2	
d) 1 dm^2 = 10 cm^2	

Câu 14. *(1 điểm)* Hai thùng có tất cả 68 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 28 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: …… l

b) Thùng thứ hai: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 47

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	C	A	C	A	C	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 335 275, 373 255, 375 235, 375 253, 385 235

b) 385 235 − 335 275 = 49 960

Câu 10.

a) 213 875 + 141 370 = 355 245

b) 787 615 − 199 071 = 588 544

c) 21 046 × 3 = 63 138

d) 56 791 : 7 = 8113

Câu 11.

a) 6906 + (764 + 236) = 6906 + 1 000 = 7906

b) (6924 − 924) + 2468 = 6000 + 2468 = 8468

c) (398 + 2) + 2954 = 400 + 2954 = 3354

Câu 12.

a) 9000 + 55 = 9055

b) 1 tạ = 10 yến: 60

c) 500 + 82 = 582

d) 4 × 60 + 9 = 249

Câu 13.

a) Đ; b) Đ; c) Đ; d) S

Câu 14.

Thùng thứ nhất: (68 + 28) : 2 = 48 (l)

Thùng thứ hai: 48 − 28 = 20 (l)